

KINH NGHIỆM XÂY DỰNG HỆ THỐNG THUẾ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

Đã có nhiều quốc gia trên thế giới sử dụng chính sách thuế khá hiệu quả trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các quốc gia thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế được coi là những quốc gia tiên phong trong việc xây dựng chính sách thuế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chính sách thuế đã trở thành công cụ đắc lực để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần không nhỏ vào công cuộc phát triển kinh tế tại các quốc gia thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế. Kinh nghiệm xây dựng chính sách thuế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên được trao đổi giúp các quốc gia đang phát triển trong việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế của mình. Sau đây xin giới thiệu kinh nghiệm xây dựng chính sách thuế hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại một số quốc gia thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế.

1. Các qui định hỗ trợ giảm gánh nặng chi phí tuân thủ

Trong số các loại thuế mà doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tuân thủ, thuế giá trị gia tăng- Giá trị gia tăng được coi là một loại thuế khó và phức tạp, điều này dẫn tới chi phí tuân thủ của thuế giá trị gia tăng rất cao. Chính vì vậy, hoàn thiện chính sách thuế với mục tiêu hỗ trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhất thiết phải quan tâm đến việc xây dựng thuế giá trị gia tăng. Các qui định về thuế giá trị gia tăng rất phức tạp, đòi hỏi chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ đầy đủ. Vì thế, việc kê khai thuế giá trị gia tăng sẽ tạo ra gánh nặng chi phí tuân thủ lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do đó, các quốc gia đã có những qui định về kê khai thuế giá trị gia tăng riêng áp dụng cho nhóm doanh nghiệp, nhằm làm giảm gánh nặng chi phí tuân thủ.

1.1 Xây dựng ngưỡng kê khai thuế giá trị gia tăng

Ngưỡng thuế giá trị gia tăng được định nghĩa là một mức doanh thu phù hợp của doanh nghiệp, ở dưới mức đó, doanh nghiệp sẽ không bắt buộc phải đăng ký kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng.

Xây dựng ngưỡng thuế giá trị gia tăng sẽ giảm bớt số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa phải kê khai nộp thuế. Chi phí tuân thủ tạo gánh nặng lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hơn những doanh nghiệp lớn vì vậy, việc không bắt buộc phải kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng sẽ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa giảm được gánh nặng này. Qui định này thực tế không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu

ngân sách bởi tổng số thuế giá trị gia tăng thu được từ doanh nghiệp dưới ngưỡng là nhỏ. Hơn nữa chi phí hành chính để thực hiện thu thuế giá trị gia tăng đối với những doanh nghiệp này cũng là một vấn đề. Thực tế chênh lệch giữa số thuế giá trị gia tăng thu được từ những doanh nghiệp nhỏ và chi phí hành chính quản lý thuế của những doanh nghiệp này là không đáng kể. Vì vậy, ngưỡng thuế giá trị gia tăng được qui định trong luật thuế của nhiều quốc gia trên thế giới.

Bảng 1: Ngưỡng kê khai thuế giá trị gia tăng tại một số quốc gia

	Ngưỡng kê khai thuế Giá trị gia	
	Bản tệ	USD
Australia	75000AUD	48199
Áo	30000EUR	34281
Canada	30000CAD	23056
CZECH	1000000CZK	67190
Pháp	80000EUR	87503
Đức	17500EUR	20544
Ý	30000EUR	35440
Ireland	75000EUR	77623
Nhật Bản	10000000JPY	81895
Hàn Quốc	24000000KRW	26344
New Zealand	60000NZD	37502
Ba Lan	150000PLN	73430
Norway	50000NOK	5188
Thụy Sĩ	100000CHF	59870
Anh	73000GBP	103838

Nguồn: OECD (2009), *Taxation of SMEs*

Xem xét ở các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới ngưỡng thuế Giá trị gia tăng nằm trong khoảng 50.000 USD

1.2 Ngưỡng doanh thu đăng ký kê khai nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn

Việc miễn kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp nhỏ sẽ làm giảm gánh nặng tuân thủ thuế cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó cơ quan quản lý thuế sẽ có khả năng tập trung nguồn lực hạn chế các rủi ro trốn thuế. Tuy

nhiên, việc miễn kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp nhỏ dưới ngưỡng cũng gây ra bất lợi cho doanh nghiệp. Không kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đồng nghĩa với việc doanh nghiệp sẽ không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đồng thời việc không có hóa đơn thuế giá trị gia tăng đầu ra cũng sẽ hạn chế cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp với những doanh nghiệp lớn, tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ thuế.

Để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa với qui mô khác nhau, một số quốc gia đưa ra các qui định về ngưỡng thuế giá trị gia tăng phù hợp với qui mô của doanh nghiệp. Ngưỡng kê khai nộp thuế giá trị gia tăng được áp dụng cho những doanh nghiệp nhỏ nhất.

Ngưỡng đăng ký kê khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn áp dụng cho các doanh nghiệp trên ngưỡng kê khai thuế giá trị gia tăng. Doanh nghiệp nằm trong ngưỡng này có thể đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp đơn giản hoặc theo phương pháp khấu trừ. Việc đăng ký này có hiệu lực trong thời gian nhất định. Ví dụ, ở Nhật Bản, thời hạn đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp đơn giản là 2 năm.

Theo cách tính thuế giá trị gia tăng được đơn giản hóa này, mặc dù doanh nghiệp vẫn phát hành hóa đơn bán hàng nhưng số thuế giá trị gia tăng không căn cứ vào từng hóa đơn mà chỉ căn cứ vào tổng doanh thu cuối cùng. Với cách tính đơn giản này, doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ giảm được chi phí lưu trữ chứng từ giúp giảm thiểu chi phí tuân thủ thuế.

Bảng 2: Ngưỡng kê khai thuế Giá trị gia tăng và ngưỡng đăng ký kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn

Quốc gia	Ngưỡng kê khai	Ngưỡng đăng ký kê khai thuế Giá trị gia tăng
Nhật Bản	10 000 000 JPY	50 000 000 JPY
Hàn Quốc	24 000 000 KRW	48 000 000 KRW

Nguồn: OECD (2009), *Taxation of SMEs*

Số thuế Giá trị gia tăng mà doanh nghiệp phải nộp, theo cách tính giản đơn được căn cứ trên tổng doanh thu, tỷ suất giá trị tăng trung bình của từng ngành và thuế suất thuế Giá trị gia tăng.

Ví dụ: ở Hàn Quốc, số thuế Giá trị gia tăng phải nộp (theo cách tính đơn

giảm) = tổng doanh thu trong kỳ tính thuế x tỷ suất giá trị gia tăng trung bình của lĩnh vực kinh doanh (khoảng từ 20 đến 40%) x 10%(thuế suất thuế Giá trị gia tăng).

Ở Nhật Bản, số thuế Giá trị gia tăng phải nộp (theo cách tính đơn giản) = tổng doanh thu trong kỳ tính thuế x tỷ suất giá trị gia tăng trung bình của lĩnh vực kinh doanh (khoảng từ 10% đến 50%) x 5%(thuế suất thuế Giá trị gia tăng). Trong đó, lĩnh vực bán buôn và bán lẻ có tỷ suất thấp nhất; lĩnh vực kinh doanh dịch vụ (khách sạn, nhà hàng ...) có tỷ suất cao nhất.[67]

Qui định này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ dưới ngưỡng có số thuế Giá trị gia tăng đầu vào lớn có thể được khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu vào, trong khi đó lại giảm được gánh nặng chi phí tuân thủ.

1.3 Bù đắp gánh nặng chi phí tuân thủ thuế cao

Việc áp dụng phương pháp kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn sẽ giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng vì thế mà không thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán, một trong những yếu tố giúp nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả kinh doanh. Vì vậy để khuyến khích doanh nghiệp ghi chép sổ sách kế toán, cần có những ưu đãi để bù đắp chi phí tuân thủ do hoạt động ghi chép sổ sách kế toán tạo ra. Phương thức hỗ trợ hiệu quả nhất là đưa ra mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng ưu đãi đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ áp dụng kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn.

Từ năm 1995, Pakistan đã áp dụng một mức thuế suất khá ưu đãi, khoảng 2% đối với DN NVV (so với mức thuế suất chung là 18%) với mục đích dành khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ ghi chép sổ sách kế toán. Chính sách này được thực hiện trong nhiều năm, cho đến năm 2004, một mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng chuẩn là 15% đưa ra để giảm chi phí tuân thủ và thủ tục hành chính.

Từ năm 2005, Hàn Quốc cũng đưa ra ưu đãi về thuế Giá trị gia tăng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nằm trong chương trình cải cách đồng bộ hệ thống thuế. Cụ thể là giảm thuế suất đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ là 5% và 10% đối với doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng và dịch vụ cho thuê phòng.

Tuy nhiên, những hướng cải cách này có những trở ngại nhất định. Trong

khi với các mức thuế suất được cắt giảm với mục đích để bù đắp chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp thì cũng đồng thời khiến cho hệ thống thuế Giá trị gia tăng trở nên phức tạp và làm cho chi phí tuân thủ và liên quan đến thủ tục hành chính tăng. Ngoài ra có thể tăng thêm tính rủi ro cho cơ quan thuế khi cách này có thể tạo điều kiện cho doanh nghiệp trốn thuế.

Một giải pháp khác trong số đó là cho phép các doanh nghiệp nhỏ có đủ tiêu chuẩn được giảm trừ số thuế Giá trị gia tăng phải nộp. Giải pháp này giảm gánh nặng về thuế Giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thậm chí miễn trong trường hợp số thuế Giá trị gia tăng nộp vào ngân sách nhà nước nhỏ. Một ví dụ điển hình là chính sách thuế Giá trị gia tăng được áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ ở Hà Lan, hệ thống thuế cho phép doanh nghiệp đã đăng ký kê khai thuế Giá trị gia tăng được ~~xin~~ miễn giảm thuế nếu số thuế Giá trị gia tăng phải nộp sau khi khấu trừ nhỏ hơn 1.883€. Nếu số phải trả không vượt quá 1.345€ thì nghĩa vụ thuế được miễn trừ hoàn toàn.

1.4 Giảm thiểu các mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng

Để khuyến khích sản xuất, kinh doanh một số loại hàng hóa, dịch vụ, thuế suất thuế Giá trị gia tăng được quy định một mức thuế suất ưu đãi.

Bảng 3: Các mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng tại một số quốc gia

Quốc gia	Thuế suất thuế Giá trị gia
Úc	10 và 0
Canada	5 và 0
Chile	19
Czech	20 và 10
Đan Mạch	25 và 0
Đức	19 và 7
Israel	16
Nhật Bản	5
Hàn Quốc	10 và 0
Mêhicô	16 và 0
Hà Lan	19 và 6
New Zealand	15 và 0

Nguồn: OECD (2009), Taxation of SMEs

Những qui định này khiến cho thuế Giá trị gia tăng có nhiều mức thuế suất khác nhau. Nhưng vì thế mà luật thuế Giá trị gia tăng trở nên phức tạp và tạo ra chi phí tuân thủ cao cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, để đơn giản hóa luật thuế Giá trị gia tăng, giảm gánh nặng chi phí tuân thủ cho D doanh nghiệp nhỏ và vừa, tại nhiều quốc gia thuế Giá trị gia tăng chỉ có một hoặc hai mức thuế suất.

1.5 Giảm tần suất kê khai nộp thuế

Tần suất phải kê khai thuế Giá trị gia tăng cũng là một trong các nguyên nhân chính khiến cho chi phí tuân thủ tăng cao. Nhiều hệ thống thuế Giá trị gia tăng qui định: doanh nghiệp phải kê khai thuế Giá trị gia tăng hàng tháng. Tuy nhiên giảm tần suất kê khai đối với doanh nghiệp nhỏ sẽ là một giải pháp hiệu quả để hỗ trợ doanh nghiệp.

Ở New Zealand, doanh nghiệp nói chung buộc phải kê khai hai tháng một lần, trong khi doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn kê khai hai lần trong một năm, và thời điểm kê khai có thể trùng với ngày nộp các báo cáo về kế toán.

Ở Hàn Quốc, doanh nghiệp trong ngưỡng kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn chỉ phải kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng hai lần trong một năm.

Ở Nhật Bản, doanh nghiệp trong ngưỡng kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn được lựa chọn nộp thuế Giá trị gia tăng một tháng một lần, hai tháng một lần hoặc một quý một lần. Trong khi tờ khai thuế chỉ phải lập một lần duy nhất vào cuối năm tài chính.

1.6 Xây dựng hệ thống thuế khoán

Nhìn chung, việc áp dụng một cơ chế thuế thông thường đòi hỏi doanh nghiệp phải lưu giữ và ghi chép đầy đủ sổ sách kế toán. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, việc tuân theo những nguyên tắc lưu giữ chứng từ sổ sách thông thường không những tốn kém mà còn vượt quá khả năng và kỹ năng của chủ doanh nghiệp. Việc không tuân theo những quy định bắt buộc về sổ sách kế toán, ngay cả khi là không cố ý cũng có thể gây thiệt hại nghiêm trọng cho doanh nghiệp.

Xây dựng hệ thống thuế khoán được đơn giản hoá là một phương pháp phổ biến nhất nhằm giảm gánh nặng này cho doanh nghiệp. Theo đó, các doanh

ng nghiệp nhỏ và siêu nhỏ không phải nộp nhiều loại thuế trực thu và gián thu, mà chỉ phải nộp duy nhất một loại thuế khoán.

Một số hệ thống thuế khoán cho các doanh nghiệp nhỏ có thể thấy ở rất nhiều nước đã và đang phát triển trên khắp thế giới. Các hệ thống này khác nhau đáng kể về phạm vi áp dụng, tiêu thức dùng để xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp nhỏ và kết quả đạt được của nó. Không có các nguyên tắc chuẩn cũng như kinh nghiệm đồng nhất đối với việc thiết kế và áp dụng các hệ thống thuế khoán này. Tuy nhiên hai hệ thống thuế khoán phổ biến nhất là thuế khoán theo doanh thu và thuế khoán dựa trên đặc điểm của doanh nghiệp.

Hệ thống thuế khoán theo doanh thu

Hệ thống thuế khoán này qui định số thuế doanh nghiệp phải nộp được căn cứ trên doanh thu. Hệ thống thuế dựa trên doanh thu là loại thuế khoán phổ biến nhất vì nó có những lợi thế sau:

- Gánh nặng thuế căn cứ trên doanh thu vì vậy gánh nặng sẽ nhỏ khi doanh nghiệp gặp khó khăn hoặc trong giai đoạn mới thành lập.
- Hệ thống thuế khoán này vẫn yêu cầu các doanh nghiệp nhỏ phải giữ ít nhất một sổ sách chứng từ căn bản nhưng không bắt những người quản lý doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chịu bất cứ thủ tục kế toán phiền toái.

Có hai loại thuế khoán theo doanh thu sau:

a. Áp dụng một thuế suất thống nhất (tỷ lệ %) trên doanh thu cho tất cả các doanh nghiệp nhỏ áp dụng theo chế độ thuế khoán.

Một ví dụ tiêu biểu của phương pháp này là hệ thống thuế khoán được đơn giản hoá cho các doanh nghiệp nhỏ ở Ukraine. Hệ thống này áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ có mức doanh thu thấp hơn 1 triệu UAH (208000 USD) và số lao động tối đa là 50 người. Hệ thống thực hiện thuế suất đồng bộ là 10% trên doanh thu. Thuế khoán bao gồm cả thuế thu nhập và thuế Giá trị gia tăng. [66]

Thuế khoán theo doanh thu (EVA) được áp dụng ở Hungari từ năm 2003 với thuế đồng loạt đánh trên doanh thu của doanh nghiệp. Đối tượng áp dụng thuế khoán là những doanh nghiệp tư nhân và cá nhân, doanh nghiệp đã hoạt động ít nhất 2 năm có thu nhập hàng năm (bao gồm VAT) không vượt quá 25 triệu HUF (khoảng 120.000 USD). Doanh nghiệp nộp thuế khoán sẽ không phải nộp thuế TNDN và thuế Giá trị gia tăng. Mức thuế khoán là 15% đánh trên

doanh thu.

b. Mức thuế khoán lũy tiến theo doanh thu

Trong trường hợp này, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ khác nhau sẽ được đối xử như nhau, tuy nhiên thuế suất sẽ tăng theo mức doanh thu của doanh nghiệp.

Thuế suất lũy tiến dựa trên doanh thu có lợi thế hơn so với thuế cơ bản dựa trên doanh thu đồng nhất, bởi vì nó sẽ giảm sự chênh lệch trong gánh nặng thuế giữa nhóm doanh nghiệp chịu hệ thống thuế khoán và nhóm doanh nghiệp chịu hệ thống thuế thông thường. Vì vậy nó khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi từ hệ thống khoán sang hệ thống thông thường.

Bảng 4: Hệ thống thuế khoán của Kazakhstan

Doanh thu trong 1 quý (KZT)	Thuế suất
Đến 10 triệu KZT	3% tổng doanh thu
Từ 10–15 triệu KZT	
Từ 15–22,5 triệu KZT	600000 KZT cộng 7% tổng doanh thu vượt quá 15 triệu KZT

Nguồn: OECD (2009), *Taxation of SMEs*

Hệ thống thuế khoán dựa vào đặc điểm của doanh nghiệp

Hệ thống thuế khoán này sẽ căn cứ vào đặc điểm của doanh nghiệp như diện tích mặt bằng, số lượng lao động, thiết bị máy móc mà doanh nghiệp sử dụng để ước lượng thu nhập giả định. Trên cơ sở thu nhập giả định, cơ quan thuế sẽ tính số thuế mà doanh nghiệp phải nộp. Bên cạnh đó, lượng năng lượng tiêu thụ cũng được sử dụng là để xác định thu nhập giả định của doanh nghiệp.

Ví dụ: Hệ thống thuế khoán ở Tây Ban Nha áp dụng cho các nhà hàng căn cứ vào số lượng lao động, thiết bị sử dụng và lượng năng lượng tiêu thụ để xác định thu nhập giả định. Theo đó, nếu một nhà hàng hoạt động với một người chủ và một lao động được trả lương, năng lượng tiêu thụ là 100kw và một máy móc loại B sẽ có thu nhập giả định là 41.709 EUR (3.438 + 15.434 + 100x192 + 3.636). Thuế suất của thuế khoán là 25% thì số thuế khoán mà nhà hàng phải nộp là 10.427 EUR.

Bảng 5: Hệ thống thuế khoán theo đặc điểm doanh nghiệp ở Tây Ban Nha

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thu nhập năm trên đơn vị (EUR)
1 Lao động được trả lương	Người	3,438
2 Những người không lương	Người	15,434
3 Năng lượng tiêu thụ	KW	192
4 Thiết bị loại A	Chiếc	1,028
5 Thiết bị loại B	Chiếc	3,636

Nguồn: OECD (2009), *Taxation of SMEs*

Hệ thống thuế khoán theo đặc điểm doanh nghiệp hạn chế được hiện tượng che giấu doanh thu để trốn thuế, nhưng nó cũng có những hạn chế nhất định:

- Không khuyến khích doanh nghiệp tạo thêm nhiều việc làm
- Tạo gánh nặng thuế lớn cho doanh nghiệp mới thành lập.

Mặc dù hệ thống thuế khoán được cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ hưởng ứng nhưng việc xây dựng hệ thống thuế khoán cũng có nhiều hạn chế, đặc biệt khó khăn trong việc xác định mức thuế suất hợp lý và không khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đầy đủ sổ sách kế toán (rào cản đối với sự phát triển của doanh nghiệp).[67]

2 Các qui định giảm gánh nặng thuế thu nhập doanh nghiệp

Để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngoài việc qui định áp dụng chế độ đặc biệt khi khai thuế Giá trị gia tăng, để giảm gánh nặng chi phí tuân thủ, các quốc gia còn có những ưu đãi về thuế TNDN nhằm làm giảm số thuế TNDN mà doanh nghiệp phải nộp. Để giảm số thuế TNDN, các quốc gia qui định ưu đãi về thuế suất và các qui định về chi phí được trừ để làm giảm cơ sở tính thuế cho doanh nghiệp.

2.1 Ưu đãi thuế suất

Gánh nặng thuế TNDN được xác định bằng số thuế phải nộp theo qui định cộng với chi phí tuân thủ thuế. Do vậy, việc ưu đãi thuế suất sẽ trực tiếp làm giảm gánh nặng thuế TNDN cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để thực hiện ưu đãi thuế suất, các quốc gia đưa ra một ngưỡng thu nhập chịu thuế (doanh nghiệp có thu nhập dưới ngưỡng sẽ hưởng thuế suất ưu đãi)

hoặc hệ thống thuế suất lũy tiến.

Từ năm 2007, Canada đã áp dụng mức thuế suất thuế TNDN chung là 21%, trong khi đó thì các doanh nghiệp nhỏ có thu nhập dưới mức 400,000 CAD (345,000USD) chỉ phải chịu mức thuế suất 12%.

Ở Hàn Quốc, từ năm 2009 nếu thu nhập chịu thuế dưới 200 triệu KRW thì thuế suất là 12,1%; nếu thu nhập chịu thuế lớn hơn 200 triệu KRW thì chịu thuế suất 24,2%.

Đài Loan xây dựng thuế TNDN với thuế suất lũy tiến từng phần với thuế suất lớn nhất là 20% tương ứng thu nhập từ 120000 TWD trở lên.

Ở Hà Lan, từ năm 2009, doanh nghiệp có thu nhập đến 200000EUR sẽ chịu thuế suất 20%; nếu thu nhập trên 200000EUR sẽ chịu thuế suất 25,5%.

2.2 Ưu đãi cho doanh nghiệp mới thành lập

Để thúc đẩy hơn nữa cho quá trình hình thành doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập, một số nước đang phát triển và trong thời kỳ quá độ đã dành cho các doanh nghiệp nhỏ khoảng thời gian được miễn thuế trong giai đoạn mới thành lập.

Ví dụ, ở Moldova, doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập sẽ được miễn thuế hoàn toàn trong khoảng thời gian là 3 năm và được giảm 35% thu nhập chịu thuế cho 2 năm tiếp theo.

Tuy nhiên, phương pháp này có thể bị lạm dụng vì khi được hưởng các ưu đãi thì chủ MSE sẽ ngừng hoạt động kinh doanh trước khi hết thời gian miễn thuế và thành lập lại một công ty với tên mới để lại được hưởng 3 năm miễn thuế. Vì thế việc thiết lập mức trần để được hưởng ưu đãi thuế có thể giúp tránh tình trạng doanh nghiệp nhỏ và vừa có lợi nhuận cao cũng được hưởng đặc quyền này.

Ở Singapore, doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng ưu đãi miễn thuế hoàn toàn trong 3 năm đầu đi vào hoạt động chỉ khi có thu nhập chịu thuế dưới 100,000 đô la singapore (66,000 USD).

2.3 Hỗ trợ nghiên cứu phát triển

Nghiên cứu phát triển là nhân tố chính thúc đẩy khả năng phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, một số quốc gia đã ban hành những qui định về thuế

ưu đãi đặc biệt cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Những ưu đãi này cho phép doanh nghiệp nhỏ và vừa có được trừ một khoản chi phí lớn hơn so với chi phí thực tế đã đầu tư vào nghiên cứu phát triển khi nộp thuế TNDN.

Ở Hungary, doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể được trừ 200% chi phí nghiên cứu phát triển trong thu nhập trước thuế.

Ở Anh, doanh nghiệp được phép trừ 150% chi phí thực tế cho các hoạt động nghiên cứu phát triển khi tính thu nhập tính thuế.

2.4 Khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư

Một trong những rào cản lớn đối với hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa là bị hạn chế khi tìm kiếm các khoản vay cho đầu tư và phát triển. Loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa thường phải chịu chi phí cao khi họ vay vốn để đầu tư sản xuất kinh doanh và mở rộng hoạt động. Hệ thống thuế có thể đưa ra các biện pháp để giảm bớt các gánh nặng và khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư vào tài sản.

Ví dụ: Ở Hungary có hỗ trợ về thuế cho khoản vay đầu tư, theo đó doanh nghiệp nhỏ và vừa có khả năng được giảm 40% tiền lãi phải trả cho khoản vay để mua tài sản cố định từ số tiền thuế của họ và có thể lên đến nhiều nhất là 6 triệu HUF (31,200 USD).

Ở Hà Lan có qui định khuyến khích bên thứ ba cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn đầu tư tài sản. Khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được cam kết đầu tư vào tài sản và là một phần không thể thiếu trong tài sản cơ bản của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khoản vay này phải có ràng buộc rằng số tiền đó là một phần trong nguồn vốn rủi ro của doanh nghiệp.

Người cho vay với tư cách cá nhân sẽ được miễn thuế cho khoản tiền lãi mà họ nhận được và trong trường hợp bên vay không thể trả nợ do bị phá sản hoặc do các vấn đề tài chính khác thì người cho vay sẽ nhận được một khoản đền bù thuế cao nhất là 50,000 EUR (66,000 USD).

2.5 Cho phép khấu hao giản đơn

Một số quốc gia qui định cho phép doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng phương pháp khấu hao đơn giản. Khấu hao nhanh sẽ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Ở Nam Phi, doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập có thể ngay lập tức khấu

hao 100% cho máy móc thiết bị, trong khi đó thì tỉ lệ khấu hao chung là 20%/năm.

3. Những nội dung có thể vận dụng ở Việt nam

Thứ nhất, xây dựng ngưỡng doanh thu thuế Giá trị gia tăng. Doanh nghiệp có qui mô khác nhau cần có những qui định riêng. Vì vậy, cần đưa ra một tiêu chí để phân loại cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngưỡng doanh thu là tiêu chí phổ biến nhất để phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quản lý thuế giá trị gia tăng. Xây dựng ngưỡng kê khai thuế Giá trị gia tăng hợp lý ở Việt Nam là cần thiết. Ngưỡng doanh thu cần linh hoạt, phân loại nhiều nhóm doanh nghiệp nhỏ, có thể có 2 ngưỡng doanh thu: Ngưỡng kê khai thuế Giá trị gia tăng và ngưỡng kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn.

Thứ hai, ưu đãi cho doanh nghiệp ghi chép sổ sách kế toán khi kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn. Mặc dù kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn là nhằm giảm gánh nặng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Nhưng việc ghi chép sổ sách kế toán sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý. Trình độ quản lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam còn thấp, vì vậy việc khuyến khích doanh nghiệp ghi chép sổ sách kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý là cần thiết. Do đó cần có ưu đãi cho doanh nghiệp để bù đắp gánh nặng chi phí tuân thủ.

Thứ ba, giảm thiểu các mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng. Việc qui định nhiều mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng là nhằm mục tiêu khuyến khích sản xuất và tiêu dùng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thấp. Tuy nhiên điều đó lại góp phần tạo nên sự phức tạp của chính sách thuế. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang qui định áp dụng 3 mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng, điều đó là không thực sự cần thiết, cần qui định hai mức thuế suất.

Thứ tư, ưu đãi thuế thu nhập cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để giảm gánh nặng thuế TNDN cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần có những ưu đãi về thuế thu nhập cho cộng đồng doanh nghiệp này. Hiện nay, Việt Nam chưa có qui định ưu đãi thuế suất thuế TNDN cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, có thể xây dựng hệ thống thuế TNDN với thuế suất lũy tiến hoặc đặt ra ngưỡng thuế thu nhập. Theo đó, doanh nghiệp dưới ngưỡng sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi.

Thứ năm, ưu đãi thuế thu nhập cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập. Để đẩy mạnh sự phát triển DNNVV, cần có ưu đãi cho doanh nghiệp mới thành lập, đặc biệt là doanh nghiệp có thu nhập thấp. Vì thế có thể qui định miễn thuế

TNDN cho doanh nghiệp có mức thu nhập thấp hơn một ngưỡng nào đó.

Thứ sáu, cho phép khấu hao nhanh đối với tài sản là thiết bị, máy móc trực tiếp dùng cho sản xuất. Qui định này có thể áp dụng cho mọi doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc chỉ với doanh nghiệp mới thành lập, nhằm giúp doanh nghiệp có thể quay vòng vốn nhanh.

Thứ bảy, xây dựng hệ thống thuế khoán. Luôn có một bộ phận doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn trong việc thực hiện đầy đủ chế độ kế toán và lưu giữ hóa đơn chứng từ. Để hỗ trợ cho cộng đồng doanh nghiệp này cần đưa ra một hệ thống thuế khoán thay thế cho các loại thuế trực thu và gián thu mà doanh nghiệp phải nộp nhằm giảm gánh nặng chi phí tuân thủ. Hiện nay, thuế khoán ở Việt Nam chỉ bao gồm các loại thuế gián thu, vì thế ngoài thuế khoán, doanh nghiệp vẫn phải nộp các loại thuế trực thu khác. Do đó, thuế khoán ở Việt Nam chưa thực sự giảm được gánh nặng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

